

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH B Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2022

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH B Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trương Ngọc Tiến

Ông Huỳnh Văn Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh B Đ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh B Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1974
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1975  
Cùng địa chỉ: Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh B Đ.
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:  
Vợ chồng ông Võ B, sinh năm 1948

Bà Lê Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh B Đ.

Bà Lê Thị T, sinh năm 1959(VM)

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh B Đ.

Chị Trần Kim Th, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh B Đ.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:*  
Ông và bà Phan Thị Th tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM vào ngày 08/12/1997. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn, anh yêu cầu được ly hôn bà Th.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1998; Võ Thị Yến Ng, sinh năm 2001 (đã thành niên) và Võ Phan Anh D, sinh năm 2007. Ly hôn, con muốn ở với ai tùy vào nguyện vọng của con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 18, tại Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh BÐ. Nguồn gốc nhà và đất là của cha mẹ tôi là Võ B bà Lê Thị T cho khi vợ chồng ra ở riêng. Nay để giữ lại tài sản có nguồn gốc ông bà cha mẹ, tôi yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản nhà đất và thối lại giá trị bằng tiền cho chị Th. Tôi tự nguyện hỗ trợ sau ly hôn cho bà Th số tiền 86.387.500 đồng.

Đối với phần diện tích đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi không yêu cầu gì. Tôi xác nhận hiện trạng đất hiện nay là đúng khi cha mẹ tôi tặng cho.

Về nợ chung: Không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Th trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Th thống nhất như lời trình bày và ý kiến của ông T. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình nên nay ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung như lời trình bày của anh T. Ly hôn, con chung muốn sống với ai thì tùy con quyết định, nếu con muốn ở với bà, thì bà Th sẽ nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 18, tại Thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh BÐ như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn, nếu con sống với ông T tôi sẽ giao tài sản cho ông T, nếu con sống với tôi thì tôi yêu cầu giao tài sản nhà đất cho tôi để tôi ở nuôi con và tôi sẽ thối lại giá trị bằng tiền cho anh T.

Đối với phần diện tích đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi không yêu cầu gì. Tôi xác nhận hiện trạng đất hiện nay là đúng khi cha mẹ chồng tôi tặng cho.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Võ B, bà Lê Thị T trình bày: Về việc ly hôn của anh T và chị Thh vợ chồng ông không có yêu cầu hay ý kiến gì. Đối với phần hiện trạng đất hiện nay là đúng như khi vợ chồng tôi tặng cho đất cho vợ chồng anh T chị Thh. Sự chênh lệch về diện tích của thửa đất vợ chồng tôi tặng cho thì chúng tôi không yêu cầu hay ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T và Trần Kim Th trình bày:

Ranh giới thửa đất của vợ chồng ông T, bà Th với ranh giới đất của mẹ con bà T, chị Th là ổn định từ trước đến nay, không tranh chấp gì. Nay bà T và chị Th thống nhất không khiếu nại gì về ranh giới hiện trạng hiện nay giữa hai thửa đất. Bà T và chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Văn T; Giao 01 con chung tên Võ Phan Anh D, sinh năm 2007 cho bà Th nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Giao nhà và đất cho ông T, ông T thối lại giá trị cho bà Th.

Về án phí hôn nhân ông T nộp theo quy định. Án phí chia tài sản chung: Các bên nộp theo giá trị tài sản được nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với bà Phan Thị Th có Hộ khẩu tại xã HM thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông T và bà Th tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, ông T và bà Th đồng ý ly hôn do tình trạng hôn nhân

đã mâu thuẫn trầm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà Th.

[4] Về nuôi con chung: Hai cháu Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1998; Võ Thị Yên Ng, sinh năm 2001, đã thành niên Hội đồng xét xử không xét. Cháu Võ Phan Anh D, sinh năm 2007, có nguyện vọng sống với mẹ. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: Khối tài sản chung của vợ chồng ông T và bà Th bao gồm 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 18, diện tích thực tế (sau khi trừ phần diện tích của thửa 203) là 423,7m<sup>2</sup> (trong đó có 95m<sup>2</sup> đất ở và 328,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh BĐ. Cả ông T và bà Th đều yêu cầu được nhận ngôi nhà, thửa đất và thối lại giá trị tài sản cho bên kia. Theo biên bản định giá tài sản ngày 10/11/2021, giá trị thửa đất theo giá thị trường là 225.000.000 đồng, giá trị ngôi nhà 151.335.000 đồng, giá trị cây ăn trái(dừa) 1.890.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 387.225.000 đồng. Mỗi bên có ½ giá trị khối tài sản chung này, tương đương số tiền 193.612.500 đồng.

Xét nguồn gốc thửa đất: Đây là thửa đất có nguồn gốc là của cha mẹ chồng bà Th là ông Võ B, bà Lê Thị T tách ra từ thửa đất 162, tờ bản đồ 18, để tặng cho ông T bà Th khi hai vợ chồng ra ở riêng. Như vậy, yêu cầu của ông T về việc muốn giữ lại thửa đất có nguồn gốc của ông bà cha mẹ để hương hỏa thờ cúng là phù hợp, nếu giao cho bà Th mà sau khi ly hôn lại ở kề bên với gia đình nhà chồng thì sẽ bất tiện và không thuận lợi trong cuộc sống và sinh hoạt. Do vậy, giao toàn bộ nhà đất đối với ngôi nhà và thửa đất số hiệu 1038, tờ bản đồ số 18, diện tích 423,7m<sup>2</sup> (trong đó có 95m<sup>2</sup> đất ở và 328,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh BĐ cho ông T trọn quyền sở hữu sử dụng là phù hợp. Ông T phải thối lại cho bà Th giá trị phần tài sản được nhận bằng tiền là 193.612.500 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ sau ly hôn cho bà Thanh số tiền 86.387.500 đồng. Tổng cộng ông T phải giao cho bà Th số tiền 280.000.000 đồng( hai trăm tám mươi triệu đồng).

Áp dụng Điều 63 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Th được tiếp tục lưu cư tại ngôi nhà nói trên trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa không xét.

[7] Về án phí hôn nhân: Ông T thỏa thuận nộp án phí hôn nhân.

Án phí chia tài sản chung: Ông T phải nộp 9.680.600 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Bà Th phải nộp 9.680.600 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về chi phí xem xét định giá tài sản: Ông T tự nguyện chịu( đã nộp xong),

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 59, 63, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình hôn giữa ông T và bà Th.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Võ Phan Anh D, sinh năm 2007, cho bà Th nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1998; Võ Thị Yến Ng, sinh năm 2001 đã thành niên, Tòa không xét.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ tài sản nhà đất đối với ngôi nhà và thửa đất số hiệu 1038, tờ bản đồ số 18, diện tích 423,7m<sup>2</sup> (trong đó có 95m<sup>2</sup> đất ở và 328,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) tại thôn ĐC, xã HM, thị xã HN, tỉnh BĐ cho ông T trọn quyền sở hữu sử dụng(có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Ông T phải bồi lại cho bà Th số tiền 193.612.500 đồng( một trăm chín mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T hỗ trợ sau ly hôn cho bà Th số tiền 86.387.500 đồng( tám mươi sáu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Th được tiếp tục lưu cư tại ngôi nhà nói trên trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

[2] Về án phí: Án phí hôn nhân: Ông T tự nguyện nộp 150.000 đồng sung vào

ngân sách nhà nước. Được khấu trừ theo biên lai thu 0001368 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, ông T được nhận lại 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên.

- Án phí chia tài sản chung: Ông T phải nộp 9.680.600 đồng sung vào ngân sách nhà nước. Được khấu trừ 300.000 đồng theo biên lai thu 0001369 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN. Ông T còn phải nộp 9.380.600 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Bà Th phải nộp 9.680.600 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Về chi phí xem xét định giá tài sản: Ông T tự nguyện chịu( đã nộp xong),

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết tại UBND nơi cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh BĐ xét xử phúc thẩm.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TX. HN;
- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Vương**